

Bản án số: 151/2020/DS-PT

Ngày: 11-11-2020

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản quyền sử dụng đất; Nhà ở”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Nguyễn Phước Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 152/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020; về việc tranh chấp “Đòi tài sản quyền sử dụng đất; Nhà ở”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2020/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện AP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1975

1.2 Bà Lê Kim H, sinh năm 1988;

Cùng cư trú: Tổ 1, ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp PM, xã PH, huyện AP tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 10/11/2020. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trương Phi H11 (Tr), sinh năm 1979 (Có mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1970; (Có mặt)

Cùng cư trú: Tổ 01, ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc C
- Văn phòng luật sư NN thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: phường CP, TP
CĐ, tỉnh An Giang (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trương Đăng Kh1, sinh năm 2007, do cha mẹ ông H1, bà P là người đại diện theo pháp luật.

Cư trú: Tổ 01, ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: ông Trương Phi H1; bà Nguyễn Thị Hồng P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Ph, bà Lê Kim H trình bày:

Ông Ph, bà H có đứng tên 01 nền đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04087cL. Năm 2010, thấy bà P (chị ruột) không có chỗ ở nên ông Ph cho vợ chồng bà P ở tạm trong căn nhà bỏ trống của mình. Năm 2011, do xảy ra mâu thuẫn nên ông Ph yêu cầu vợ chồng bà P di dời đi nơi khác, trả lại nhà và đất. Lúc này bà P, ông H1 (Tr) có làm biên bản thống nhất giao nhà ngày 06/11/2011 để trả nhà di dời đến nơi khác ở nhưng không thực hiện. Để tạo điều kiện cho vợ chồng bà P di dời nhà, năm 2017 ông Ph đã xuất tiền mua cho vợ chồng bà P 01 căn nhà gỗ gắn liền quyền sử dụng đất tọa lạc ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1, bà P.

Nay ông Ph, bà H yêu cầu ông H1, bà P và con là cháu Kh1 phải trả lại nhà và đất cho vợ chồng ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Trương Phi H1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do vợ chồng nhận chuyển nhượng vào năm 2009 từ ông Huỳnh Văn Thuận, diện tích ngang 4,5m dài đến giáp đất nông nghiệp, khi chuyển nhượng có làm giấy tay với giá 117.000.000đ (Một trăm mười bảy triệu đồng), sau đó thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất vợ chồng có cất 01 căn nhà để ở. Sau này ông Ph xin được đứng tên quyền sử dụng đất phần đất này để dễ vay tiền ngân hàng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Khi đó ông Ph chỉ nói với vợ chồng ông là xin đứng tên nhờ trên sổ đỏ, mục đích để Phong vay ngân hàng, nghĩ tình chị em nên ông, bà đã sang tên toàn bộ cho Ph đứng tên quyền sử dụng đất. Nay, không đồng ý trả lại nhà đất như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:133/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Toà án nhân dân huyện AP đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph và bà Lê Kim H.

Buộc ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P và cháu Trương Đăng Kh1 trả lại quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04087cL do UBND huyện AP cấp ngày 14/9/2010 cho ông Nguyễn Thanh Ph và bà Lê Kim H.

Phần đất trả lại tại các điểm 7,8,9,10,16,17,20,23,25,26,18,13,12 có diện tích 390,8m² và căn nhà trên đất tại các điểm 10,11,14,15,16 có diện tích đo đạc là 47,3m² theo Bản đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/7/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh AP.

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 20/3/2020, ông Trương Phi H1; bà Nguyễn Thị Hồng P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ph, bà H trả đất cho ông H1, bà P.

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn phát biểu: Cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện vụ án; chưa xem xét rõ nguồn gốc đất tranh chấp; bởi vì diện tích 47,3m² này được cấp cho ông H1 bà P, đất này do phía ông H1 bà P sang nhượng của ông B số tiền 117.000.000đ; do bà P cho ông Ph mượn để thế chấp vay Ngân hàng 1 tỷ vay của Ngân hàng Thương tín chi nhánh Châu Đốc; phía ông Ph không chứng minh được việc bà P đứng tên dùm ông Ph; do đất ông H1, bà P có chuyển đổi đất với ông B, bà D và bà P có trả tiền cho ông B 55.000.000đ; điều này được ông B, bà D thừa nhận; do bà P không rành thủ tục nên ông Ph làm thủ tục hết và làm luôn diện tích đất 345m² cộng với diện tích 45,8m² mà ông Ph chuyển nhượng của ông B nên cuối cùng ông Ph được cấp luôn diện tích tổng cộng 390,8m²; ông Ph cũng xác định không có việc chuyển nhượng, mà là đổi đất; còn việc Ph cho rằng phía ông H1, bà P không có tiền mua đất là không có căn cứ; việc ông Ph khai mua nền khác cho để ông H1, bà P là không có căn cứ; cấp sơ thẩm chưa xác định làm rõ căn nhà bà P đang ở; mà căn cứ tài liệu hóa đơn mua vật liệu để cho rằng ông Ph cất là chưa đủ căn cứ; cấp sơ thẩm chưa làm rõ kho ông Ph kết cấu như thế nào; cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn có yêu cầu công nhận đất, buộc tháo dỡ kho trả cho bị đơn là có thiếu sót,...

Bị đơn ông H1 bà P không có ý kiến bổ sung, đồng ý với ý kiến luật sư phát biểu;

Nguyên đơn phát biểu tranh luận: Tại thời điểm tranh chấp đất được cấp cho ông Ph bà H diện tích 390,8m²; nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất; cơ quan có thẩm quyền cũng đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ chứng minh hợp pháp; quá trình tranh chấp phía bị đơn cũng không có biên bản thống nhất giao trả lại diện tích đất; quá trình cấp giấy bị đơn cũng có khiếu nại gì; phía ông

H1, bà P cũng không có yêu cầu phản tố; diện tích đất 390,8m² có được là do chuyển nhượng từ ông B, bà D và ông H1, bà P; việc bị đơn cho rằng nguyên đơn mượn giấy để vay Ngân hàng, nhưng không có gì chứng minh; bị đơn ký tên giấy đồng ý trả lại đất năm 2011; điều này thể hiện ông H1 bà P thừa nhận đất của ông Ph; ông Ph chứng minh được trực tiếp mua vật tư cất nhà; do đó bản án sơ thẩm xử là có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn;

Luật sư tranh luận: Nguyên đơn cho rằng diện tích 390,8m² do ông Ph nhận chuyển nhượng từ ông B bà D và ông H1 bà P; nhưng lời khai của Ph trước đây thừa nhận không có việc chuyển nhượng; mà hoán đổi đất điều này được ông B xác nhận; nên giữ y yêu cầu hủy án để xét xử lại;

Nguyên đơn tranh luận: Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có ký vào các hợp đồng chuyển nhượng; hơn nữa nếu không phải của ông Ph thì tại sao ông H1 bà P lại ký tên biên bản đồng ý trả lại đất có nhiều người và chính quyền địa phương chung kiến;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cho thấy, cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn trả lại nhà, đất cho nguyên đơn là có cơ sở; phía bị đơn không có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo; tuy nhiên cấp sơ thẩm không dành quyền lưu cư cho bị đơn là có thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về cách tuyên, danh quyền lưu cư cho bị đơn 6 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực, các phần còn lại giữ y;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Trương Phi H1; bà Nguyễn Thị Hồng P nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Cháu Trương Đăng Kh1 có cha mẹ là ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P người đại diện pháp luật có mặt; các đương sự khác đều có mặt tại phiên tòa; căn cứ các Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Thanh Ph, bà Lê Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P trả lại diện tích đất và nhà cho ở nhờ. Phía bị đơn ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P không đồng ý, vì bị đơn cho rằng nhà và đất là của bị đơn và bị đơn để cho ông Ph, bà H đứng tên giùm để vay tiền Ngân hàng. Cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P trả

nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04087cL do UBND huyện AP cấp ngày 14/9/2010 cho ông Nguyễn Thanh Ph và bà Lê Kim H, do không đồng ý quyết định của án sơ thẩm, nên ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

[4] Xét kháng cáo của ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P cùng chứng cứ, lời khai của các đương sự thì thấy,

[4.1] Nguồn gốc đất có diện tích 345m², thửa 05, bản đồ 01, tọa lạc ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02193/cL ngày 17/01/2003 do Ủy ban nhân dân huyện AP cấp cho ông Phạm Thanh B;

[4.2] Nguồn gốc đất có diện tích 348,7m², thửa 57, bản đồ 01, tọa lạc ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03939/cL ngày 09/12/2009 do Ủy ban nhân dân huyện AP cấp cho ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P;

[4.3] Ngày 26/8/2010, vợ chồng ông Phạm Thanh B, bà Lâm Thị Ngọc H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại mục [4.1] cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph, bà Lê Kim H Hợp đồng chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân xã ĐP chứng thực cùng ngày 26/8/2010; giá chuyển nhượng 110.000.000đ;

[4.4] Ngày 26/8/2010, vợ chồng ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 45,8m² (một phần trong diện tích 348,7m² tại mục [4.2] cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph, bà Lê Kim H Hợp đồng chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân xã ĐP chứng thực cùng ngày 26/8/2010; giá chuyển nhượng 14.000.000đ;

[4.5] Từ 02 hợp đồng chuyển nhượng ở mục [4.3] và [4.4], nên ngày 14/9/2010 ông Nguyễn Thanh Ph, bà Lê Kim H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04087cl có diện tích 390,8m², thuộc thửa 5, bản đồ 01, tọa tại ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP do Ủy ban nhân dân huyện AP cấp;

[5] Căn cứ Bản vẽ ngày 30/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh AP tại các điểm 7,8,9,10,16,17,20,23,25,26,18,13,12 có diện tích 390,8m², thuộc thửa 5, bản đồ 01, tọa tại ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04087cl ngày 14/9/2010 do Ủy ban nhân dân huyện AP cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph, bà Lê Kim H;

[6] Tại điểm 10,11,14,15,16 theo bản vẽ nêu trên có diện tích 47,3m² căn nhà đang tranh chấp do vợ chồng ông H1, bà P đang quản lý để ở theo bà P khai là do bà cất; còn ông Ph cho rằng chính ông bỏ tiền ra mua vật tư để cất nhà. Do bà P là chị ruột lúc đó không có nơi ở nên mới cho vợ chồng bà P ở nhờ; lời khai của ông Ph, bà P có mâu thuẫn nhau; căn cứ vào các chứng cứ và lời khai những người làm chứng thì thấy;

[6.1] Phiếu tính tiền mua vật tư sắt xây dựng của Công ty Đức Mai số tiền 78.000.000đ (BL 24); xác nhận của Ủy ban nhân dân xã ĐP vào năm 2010 ông Ph có thổi cát cuốn nền, xây nhà cấp 4; biên bản xác minh ông Nguyễn Thanh T cho

biết ông Ph có đưa tiền lần đầu 150.000.000đ, phần còn lại đưa cho Trương Phi H1, tổng cộng tiền mua đất là 280.000.000đ để mua đất nhà ở của Trương Văn S, để cho chị Nguyễn Thị Hồng P ở (BL 22);

[6.2] Biên bản thống nhất giao nhà ngày 06/12/2011, có nội dung “Tôi Nguyễn Thị Hồng P có bàn giao một căn nhà cho Ph và toàn bộ tài sản,.. trước khi đi có mang theo,..” (BL 21), có chữ ký bà P; ông Huỳnh Văn Th Tổ trưởng tổ 1 xác nhận có ký tên chứng kiến vào tờ giao nhà, chính ông H1 nhờ tôi chứng kiến; xác nhận nhà đất của ông Ph mua, chính ông Ph xây cất nhà (BL 124); ông Võ Văn T khai, có chứng kiến ký tên vào biên bản giao nhà, còn có ông M (cha ông Ph, bà P), ông Trương Văn B1 cha ông H1 ký tên chứng kiến,.. (BL 22); ông Phan Văn Qu khai có ký tên chứng kiến cùng các ông M, ông B1.

[6.3] Như vậy căn cứ vào nguồn gốc đất do ông Ph, bà H sang nhượng; các chứng cứ nêu tại mục [6.1]; biên bản đồng ý giao trả nhà đất [6.2] cho thấy nguồn gốc đất và căn nhà hiện do bà P, ông H1 đang quản lý, sử dụng là tài sản hợp pháp của ông Ph, bà H, nên ông Ph, bà H khởi kiện đòi lại và cấp sơ thẩm buộc ông H1, bà P giao trả lại nhà, đất như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ;

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1, bà P không cung cấp được chứng cứ gì mới có giá trị pháp lý cho yêu cầu kháng cáo của mình; đối với lý lẽ của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn lập luận cho rằng cấp sơ thẩm có sai sót đề nghị hủy án là chưa đủ cơ sở để chấp nhận;

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và sửa cách tuyên của án sơ thẩm cho lưu cư 6 tháng là phù hợp pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa án sơ thẩm về thời gian lưu cư cho bị đơn 6 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực;

[9] Ở giai đoạn phúc thẩm: Bị đơn có yêu cầu thẩm định lại đất tranh chấp, nên phát sinh chi phí tố tụng là: 1.806.000đ (Bị đơn đã thực hiện xong)

[10] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông H1, bà P không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015; Điều 166 Luật Đất đai 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số:133/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Toà án nhân dân huyện AP về thời gian lưu cư và tiền chi phí thẩm định ở giai đoạn phúc thẩm

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph và bà Lê Kim H.

2. Buộc ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P và cháu Trương Đăng Kh1 trả lại quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp HB 1, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04087cL do UBND huyện AP cấp ngày 14/9/2010 cho ông Nguyễn Thanh Ph và bà Lê Kim H.

3. Phần đất trả lại tại các điểm 7,8,9,10,16,17,20,23,25,26,18,13,12 có diện tích $390,8m^2$ và căn nhà trên đất tại các điểm 10,11,14,15,16 có diện tích đo đạc là $47,3m^2$ theo Bản vẽ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/7/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh AP.

Thời gian lưu cư ở của ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P và cháu Trương Đăng Kh1 là 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực;

4. Về chi phí tố tụng khác: Ông H1, bà P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Ph, bà H số tiền 1.991.300 (Một triệu chín trăm chín mươi một nghìn ba trăm) đồng

Về chi phí thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Ông H1, bà P phải chịu 1.806.000đ (đã thực hiện xong)

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh Ph và bà Lê Kim H được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0002932 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP.

Ông Trương Phi H1 và bà Nguyễn Thị Hồng P cùng phải chịu 15.869.500 đ (Mười lăm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Phi H1, bà Nguyễn Thị Hồng P mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000997 (của ông H1) và biên lai 0000996 (của bà P) cùng ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện AP.

Những Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện AP, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn